

Số: 128/KH-UBND

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 8 năm 2021

KẾ HOẠCH

**Xây dựng trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025**

Căn cứ các thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: Số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 quy định kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học; số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 quy định kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 quy định kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non; số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Thực hiện Nghị Quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh 5 năm 2021-2025; Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025,

Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Kế hoạch xây dựng trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025, với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Xây dựng trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; tạo môi trường an toàn, thân thiện, cho học sinh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; hoàn thành mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho các trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

2. Yêu cầu

- Tạo sự chuyển biến về nhận thức của cấp ủy, chính quyền và Nhân dân về sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Kết hợp xây dựng nông thôn mới, xây dựng các xã phát triển về kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng.

- Thực hiện kế hoạch theo đúng lộ trình, tăng cường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Tổ chức kiểm tra công nhận trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia hàng năm theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Giai đoạn 2021-2025: Xây dựng 85 trường đạt chuẩn quốc gia, nâng số trường chuẩn quốc gia đến năm 2025 lên 297/474 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 62,7%, trong đó: Cấp mầm non: 53,3%; Cấp tiểu học: 70,6%; Cấp trung học cơ sở: 70,3%; Cấp trung học phổ thông: 35,5%.

2. Mục tiêu cụ thể

TT	Cấp học	Năm 2020			Số trường phấn đấu đạt chuẩn trong giai đoạn 2021-2025						Năm 2025	
		Tổng số trường	Số trường đạt chuẩn đến hết tháng 9/2020	Tỷ lệ	Tổng	2021	2022	2023	2024	2025	TS trường đạt chuẩn	Tỷ lệ
1	Mầm non	152	54	35,52	27	4	7	8	6	2	81	53,3
2	Tiểu học	136	71	52,2	25	7	4	8	3	3	96	70,6
3	THCS	155	80	51,61	29	7	6	6	7	3	109	70,3
4	THPT	31	7	22,6	4	0	2	1	1	0	11	35,5
Tổng		474	212	44,7	85	18	19	23	17	8	297	62,7

(Chi tiết có Biểu 01, 02 kèm theo)

III. NHU CẦU ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Đầu tư xây dựng cơ bản

1.1. Cấp Mầm non (có 27 trường trong kế hoạch).

- Khối phòng hành chính: 09 phòng Hiệu trưởng; 32 phòng phó Hiệu trưởng; 37 văn phòng trưởng; 19 phòng dành cho nhân viên; 19 phòng bảo vệ; 03 khu vệ sinh giáo viên tại điểm trường chính; 29 khu vệ sinh giáo viên tại điểm trường lẻ.

- Khối phòng nuôi dưỡng giáo dục trẻ: 150 phòng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ; 21 phòng giáo dục thể chất; 22 phòng giáo dục nghệ thuật; 23 phòng đa năng.

- Phòng tổ chức nấu ăn: 61 nhà bếp (hoạt động 01 chiều); 65 kho bếp.

- Khối phụ trợ: 11 phòng họp cơ quan; 13 phòng y tế.

- Phòng công vụ giáo viên: 29.

(Chi tiết có Biểu 03 kèm theo)

1.2. Cấp tiểu học (có 25 trường trong kế hoạch).

- Khối phòng hành chính: 08 phòng Hiệu trưởng; 23 phòng phó Hiệu trưởng; 33 văn phòng trưởng; 20 phòng bảo vệ; 22 phòng tổ chức Đảng, đoàn thể; 02 khu vệ sinh tại điểm trường chính; 38 khu vệ sinh giáo viên và học sinh tại điểm trường lẻ.

- Khối phòng học tập: 100 phòng học; 44 phòng học bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật; 25 phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ; 27 phòng học bộ môn Tin học; 26 phòng học bộ môn Ngoại ngữ; 27 phòng đa chức năng.

- Khối phòng hỗ trợ học tập: 15 phòng thư viện; 20 phòng thiết bị giáo dục; 25 phòng tư vấn học đường, hỗ trợ học sinh khuyết tật; 22 phòng truyền thống và phòng đội thiếu niên.

- Khối phụ trợ: 12 phòng họp cơ quan; 14 phòng y tế học đường; 21 nhà kho (phòng kho); 18 khu nhà vệ sinh học sinh; 22 phòng nghỉ giáo viên; 22 phòng làm việc của giáo viên.

- Khu sân chơi, nhà tập thể thao: 22 khu vực tập thể dục thể thao có mái che; 02 nhà tập đa năng.

- Khối phục vụ sinh hoạt: 23 nhà bếp; 23 kho bếp; 05 nhà ăn; 97 phòng ở học sinh nội trú; 06 phòng quản lý học sinh nội trú; 05 phòng sinh hoạt chung học sinh nội trú; 37 phòng công vụ giáo viên.

(Chi tiết có Biểu 04 kèm theo)

1.3. Cấp trung học cơ sở (có 29 trường gồm 23 trường THCS và 06 trường TH và THCS trong kế hoạch).

- Khối phòng hành chính: 11 phòng Hiệu trưởng; 19 phòng phó Hiệu trưởng; 47 văn phòng trưởng; 21 phòng bảo vệ; 24 phòng tổ chức Đảng, đoàn thể; 07 khu vệ sinh tại điểm trường chính; 04 khu vệ sinh tại điểm trường lẻ.

- Khối phòng học tập:
 - + 10 phòng học thông thường cấp tiểu học; 48 phòng học thông thường cấp THCS.
 - + Phòng học bộ môn cấp tiểu học: 14 phòng học Âm nhạc, Mỹ thuật; 07 phòng học Khoa học - Công nghệ; 07 phòng học Tin học; 07 phòng học Ngoại ngữ; 07 phòng đa chức năng.
 - + Phòng học bộ môn cấp THCS: 22 phòng học Âm nhạc; 24 phòng học Mỹ thuật; 24 phòng học Công nghệ; 26 phòng học Khoa học Tự nhiên; 17 phòng học Tin học; 26 phòng học Ngoại ngữ; 25 phòng đa chức năng; 28 phòng học môn Khoa học Xã hội.
- Khối phòng hỗ trợ học tập: 20 phòng thư viện; 14 phòng thiết bị giáo dục; 27 phòng tư vấn học đường, hỗ trợ học sinh khuyết tật; 32 phòng truyền thống và Đội thiếu niên.
- Khối phụ trợ: 09 phòng họp cơ quan; 71 phòng của các tổ chuyên môn; 15 phòng y tế học đường; 20 nhà kho; 08 khu nhà vệ sinh học sinh; 28 phòng nghỉ giáo viên; 25 phòng làm việc của giáo viên.
- Khu sân chơi, thể dục thể thao: 22 khu sân chơi tập thể dục thể thao mái che; 06 nhà tập đa năng.
- Khối phục vụ sinh hoạt: 05 nhà bếp; 05 kho bếp; 05 nhà ăn; 148 phòng ở học sinh nội trú; 10 phòng quản lí học sinh nội trú; 09 phòng sinh hoạt chung học sinh nội trú; 09 nhà văn hóa cho học sinh nội trú; 49 phòng công vụ giáo viên.

(Chi tiết có Biểu 05 kèm theo)

1.4. Cấp trung học phổ thông (có 04 trường trong kế hoạch).

- Khối phòng hành chính quản trị: 02 văn phòng trường; 02 phòng Công đoàn; 01 phòng tổ chức Đảng.
- Khối phòng học tập: 18 phòng học thông thường; 04 phòng học Âm nhạc; 04 phòng học Mỹ thuật; 04 phòng bộ môn Công nghệ; 01 phòng bộ môn Tin học; 02 phòng bộ môn Ngoại ngữ; 04 phòng đa chức năng; 02 phòng bộ môn Vật lý; 02 phòng bộ môn Hoá học; 02 phòng bộ môn Sinh học; 07 phòng bộ môn KHXH; 06 phòng chờ giáo viên.
- Khối phòng hỗ trợ học tập: 05 phòng thiết bị giáo dục; 01 phòng tư vấn học đường; 02 phòng truyền thống; 01 phòng Đoàn thanh niên, Đội.
- Khối phụ trợ: 01 phòng họp cơ quan; 06 phòng của các tổ chuyên môn; 01 phòng y tế học đường; 01 phòng kho; 01 khu nhà vệ sinh ngoài của học sinh; 01 khu nhà vệ sinh ngoài của giáo viên; 03 phòng làm việc của giáo viên.
- Khu sân chơi thể dục thể thao: 02 khu sân chơi tập thể dục thể thao có mái che; 04 nhà tập đa năng.
- Khối phục vụ sinh hoạt: 12 phòng ở học sinh nội trú; 01 phòng sinh hoạt nội trú, văn hóa cho học sinh.

(Chi tiết có Biểu 06 kèm theo)

2. Mua sắm trang thiết bị

- Cấp mầm non: Bộ thiết bị dạy học tối thiểu các nhóm lớp; bộ thiết bị đồ chơi ngoài trời; thiết bị phòng giáo dục nghệ thuật, đa năng.

- Cấp tiểu học: Thiết bị dạy học tối thiểu các khối lớp. Thiết bị các phòng: thực hành Tin học; Ngoại ngữ; Âm nhạc, Mỹ thuật; Khoa học - Công nghệ.

- Cấp trung học cơ sở: Thiết bị dạy học tối thiểu các khối lớp. Thiết bị các phòng: Thực hành Tin học; Ngoại ngữ; Âm nhạc, Mỹ thuật; Công nghệ; Khoa học tự nhiên; Khoa học xã hội; phòng đa chức năng.

- Cấp trung học phổ thông: Thiết bị dạy học tối thiểu các khối lớp. Thiết bị các phòng: thực hành Tin học; Ngoại ngữ; Âm nhạc, Mỹ thuật; Vật lý; Hóa học; Sinh học; Công nghệ; Khoa học xã hội; phòng đa chức năng.

3. Kế hoạch kinh phí thực hiện

Nhu cầu vốn cho giai đoạn 2021-2025 là **793.904** triệu đồng. Trong đó:

3.1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản

- Tổng kinh phí đầu tư xây dựng trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia, giai đoạn 2021-2025: **664.089** triệu đồng. Trong đó:

Năm 2021: 131.934 triệu đồng.

Năm 2022: 144.471 triệu đồng.

Năm 2023: 200.388 triệu đồng.

Năm 2024: 131.052 triệu đồng.

Năm 2025: 56.244 triệu đồng.

- Nguồn vốn:

+ Nguồn vốn Trung ương: **451.276** triệu đồng (*Vốn Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025: 374.220 triệu đồng; vốn Chương trình Kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên; Đề án di dân tái định cư, Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi: 70.056 triệu đồng; vốn nước ngoài (ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ) nguồn ngân sách Trung ương: 7.000 triệu đồng*).

- Nguồn vốn địa phương: **185.874** triệu đồng (*Ngân sách tỉnh (vốn xây dựng cơ bản tập trung,...): 78.720 triệu đồng; ngân sách huyện, thành phố (vốn theo phân cấp quản lý): 107.154 triệu đồng*).

- Vốn huy động xã hội hoá: **24.939** triệu đồng.

- Vốn khác (vốn doanh nghiệp): **2.000** triệu đồng.

(Chi tiết có Biểu 07, 08 kèm theo)

3.2. Mua sắm trang thiết bị

- Tổng kinh phí mua sắm thiết bị xây dựng trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia, giai đoạn 2021-2025: **129.815** triệu đồng. Trong đó:

Năm 2021: 25.785 triệu đồng

Năm 2022: 26.320 triệu đồng.

Năm 2023: 29.825 triệu đồng.

Năm 2024: 27.515 triệu đồng.

Năm 2025: 20.370 triệu đồng.

- Nguồn kinh phí (CTMTQG Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: 109.298 triệu đồng; vốn tỉnh, huyện và nguồn vốn hợp pháp khác: 20.517 triệu đồng) (Chi tiết có Biểu 09 kèm theo).

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao vai trò chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp

- Tăng cường vai trò chỉ đạo, điều hành của chính quyền đối với các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, tổ chức chính - trị xã hội trong việc triển khai và huy động các nguồn lực xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó có việc xây dựng mới và công tác duy trì các trường đã đạt chuẩn quốc gia.

- Hằng năm, Ủy ban dân dân huyện, thành phố tổ chức rà soát thực trạng, lập kế hoạch đầu tư, bố trí các nguồn vốn và thực hiện đồng bộ các giải pháp trong công tác xây dựng trường chuẩn hiệu quả, phù hợp với địa phương nhằm đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền

Tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể cán bộ, đảng viên, giáo viên, cha mẹ học sinh, các tổ chức chính quyền, đoàn thể và người dân về quan điểm, chủ trương, mục tiêu và tầm quan trọng của việc xây dựng trường chuẩn quốc gia; tuyên truyền về những cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, tham quan các đơn vị làm tốt,... qua đó, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn xã hội về xây dựng trường chuẩn; phát huy vai trò của các tập thể và cá nhân trong xây dựng trường chuẩn quốc gia.

3. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học theo hướng trường chuẩn quốc gia

- Xây dựng các phòng học, phòng học bộ môn, các phòng chức năng, các công trình phụ trợ, bổ sung trang thiết bị dạy học cho các nhà trường trong lộ trình xây dựng trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025 đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia.

- Tích cực huy động, lồng ghép các nguồn tài chính hợp pháp để đầu tư hiệu quả đảm bảo phù hợp với quy mô trường lớp cả trước mắt và lâu dài.

- Rà soát, thống kê cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có; tu bổ, sửa chữa tài sản, thiết bị còn tận dụng được; thanh lý tài sản, thiết bị hư hỏng không sử dụng; lập danh mục tài sản, thiết bị cần được trang cấp theo tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia để có kế hoạch đầu tư xây dựng, mua sắm.

- Huy động các lực lượng xã hội, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cha mẹ học sinh,... Xây dựng kế hoạch huy động các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất nhà trường.

4. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục

- Bố trí đủ đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất và năng lực đáp ứng được yêu cầu của trường chuẩn quốc gia cho những trường trong kế hoạch xây dựng trường chuẩn quốc gia.

- Rà soát đội ngũ cán bộ giáo viên, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, đội ngũ giáo viên, nhân viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu phục vụ dạy học trong trường chuẩn quốc gia.

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ Hiệu trưởng về nghiệp vụ quản lý nhà nước trong giáo dục nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý theo hướng quản trị nhà trường. Hiệu trưởng phải xây dựng được kế hoạch tổng thể hoạt động dạy học của nhà trường, xác định được sự tham gia của các đối tượng trong và ngoài nhà trường, khai thác hết thế mạnh để đầu tư, nâng cao hiệu quả quản lý nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

- Thực hiện nghiêm quy định về đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp và đánh giá, xếp loại hiệu trưởng theo chuẩn hiệu trưởng. Triển khai thực hiện Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non, phổ thông, Chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý cơ sở giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Tổ chức tốt công tác tự bồi dưỡng để đạt các tiêu chuẩn về cán bộ quản lý, giáo viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đặc biệt quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất, đạo đức, năng lực lãnh đạo, quản lý và xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán về đổi mới phương pháp dạy học đáp ứng được yêu cầu đổi mới.

- Tổ chức tốt các phong trào thi đua, nhân rộng điển hình, xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán, những cá nhân, tập thể xuất sắc, đáp ứng được tiêu chuẩn về tỷ lệ giáo viên dạy giỏi, lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua các cấp.

5. Nâng cao chất lượng giáo dục

- Thực hiện đầy đủ nội dung, chương trình, kế hoạch giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo. Đối với các trường tiểu học, phải có biện pháp tổ chức cho được việc dạy học 2 buổi/ngày đảm bảo tỷ lệ theo quy định của trường chuẩn quốc gia.

- Đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá. Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông để đổi mới quản lý và đổi mới phương pháp dạy học. Khai thác và sử dụng có hiệu quả thiết bị dạy học; tổ chức tốt các hoạt động làm và sử dụng đồ dùng dạy học để nâng cao chất lượng dạy học.

- Sử dụng có hiệu quả các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất người học. Tập trung nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, giáo viên để thực hiện có hiệu quả chương trình hiện hành và đáp ứng yêu cầu của chương trình, sách giáo khoa mới.

- Tăng cường các biện pháp để duy trì sĩ số, đảm bảo chất lượng giáo dục một cách thực chất và ngày càng vững chắc. Các trường phổ thông tổ chức tốt công tác bồi dưỡng học sinh khá, giỏi và giúp đỡ học sinh yếu, kém để đảm bảo tỷ lệ học sinh giỏi cao hơn tiêu chuẩn, tỷ lệ học sinh yếu kém và học sinh lưu ban, bỏ học thấp hơn tiêu chuẩn.

- Đẩy mạnh chỉ đạo thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động giáo dục truyền thống, giáo dục pháp luật, đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường, giáo dục nghề nghiệp; xây dựng nếp sống văn hóa, củng cố kỷ cương nền nếp trường học.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội dung, chương trình, kế hoạch giáo dục.

- Đẩy mạnh công tác kiểm định chất lượng giáo dục đối với những trường trong kế hoạch xây dựng trường chuẩn quốc gia.

6. Tổ chức nhà trường theo tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển số lớp, số học sinh đảm bảo tiêu chí trường chuẩn quốc gia (Trường trung học: mỗi trường có không quá 45 lớp, mỗi lớp có không quá 45 học sinh; trường tiểu học: mỗi trường có không quá 30 lớp, mỗi lớp có không quá 35 học sinh).

- Quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Tổ trưởng, Tổ phó chuyên môn, đội ngũ giáo viên, nhân viên trường phổ thông giai đoạn 2021-2025 đảm bảo tính kế thừa và cân đối, đồng thời khai thác được tiềm năng của các thế hệ. Thực hiện tinh giản biên chế, thi tuyển giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu trường chuẩn quốc gia về số lượng, loại hình và chất lượng chuyên môn nghiệp vụ.

- Thực hiện kế hoạch giáo dục đảm bảo chất lượng, hiệu quả; định kỳ từng tháng, từng học kỳ có đánh giá hiệu quả, tiến độ thực hiện kế hoạch.

- Thực hiện đúng các quy định về quản lý hành chính, tài chính, tài sản, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học. Chủ động xây dựng, cải tạo, chăm sóc khuôn viên nhà trường đảm bảo xanh - sạch - đẹp. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, thân thiện.

- Tham mưu với cấp có thẩm quyền bố trí đủ đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia.

- Hằng năm thành lập và quản lý tốt hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng,... Phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo mỗi người đều có trách nhiệm trong việc hoàn thiện các tiêu chuẩn thuộc nhiệm vụ của nhà trường; thành lập Ban đại diện Hội Cha mẹ học sinh, Hội đồng trường, Hội đồng thi đua - khen thưởng theo đúng Điều lệ của từng cấp học; củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học và Điều lệ trường trung học.

7. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động làm cho các lực lượng xã hội hiểu rõ bản chất, nắm được mục tiêu, nội dung, cách thức thực hiện xã hội hóa giáo dục, từ đó có thái độ và hành vi đúng đắn thực hiện xã hội hóa giáo dục ở trường mầm non và trường phổ thông góp phần xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia.

- Hằng năm, ban hành kế hoạch phối hợp huy động nguồn lực của các ngành, các cấp, các tổ chức kinh tế - xã hội và cá nhân để xây dựng và phát triển nhà trường. Tăng cường quan hệ giữa nhà trường với các lực lượng xã hội để huy động trí tuệ, nguồn lực của toàn xã hội vào việc xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia.

- Đẩy mạnh xã hội hóa buổi học thứ hai để đảm bảo đủ giáo viên dạy 02 buổi/ngày đối với các trường trên địa bàn phường, thị trấn và các địa bàn khác có đủ điều kiện.

- Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, đảm bảo mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về huy động, quản lý, sử dụng, công khai các nguồn kinh phí do Nhân dân đóng góp để xây dựng nhà trường; thực hiện nghiêm Quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xây dựng cơ chế, chính sách để thực hiện xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực để đầu tư cho giáo dục.

- Tăng cường phân cấp, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các nhà trường theo quy định của Chính phủ về trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì triển khai, tổ chức thực hiện; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, đạt mục tiêu đề ra; kịp thời tham mưu, đề xuất những nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chỉ đạo và kiểm tra, giám sát các phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường học tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng trường trường mầm non, trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025; hướng dẫn, đôn đốc, giám sát các và kiểm tra các trường trong việc phấn đấu và duy trì các tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia.

- Hằng năm, lập dự toán kinh phí hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất; kinh phí tổ chức kiểm tra công nhận đối với các trường phấn đấu đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025.

- Tổng hợp đánh giá kết quả hằng năm và giai đoạn; tổ chức sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân tỉnh, theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh lồng ghép, cân đối, bố trí vốn đầu tư đảm bảo theo đúng quy định.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và tình hình thực tế tại địa phương.

4. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh giao, điều chỉnh, bổ sung số lượng người làm việc đảm bảo công tác dạy và học theo tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn quốc gia trong tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao và số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp phù hợp với mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc tỉnh

Căn cứ nguồn vốn từ các chương trình, đề án thuộc ngành quản lý, chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối bố trí vốn đầu tư cho các trường xây dựng đạt chuẩn quốc gia theo kế hoạch.

6. Các sở: Xây dựng, Y tế, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh nội dung về đầu tư xây dựng thư viện, phòng truyền thống, quỹ đất, môi trường, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất theo tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia cho các trường trong Kế hoạch.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Tham gia tích cực trong công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân, đoàn viên, hội viên tích cực tham gia thực hiện Kế hoạch, huy động nguồn lực từ cộng đồng, các tổ chức, cá nhân để tổ chức thực hiện, gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

8. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Xây dựng kế hoạch cụ thể với các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế địa phương để triển khai thực hiện Kế hoạch, nhằm đạt và vượt chỉ tiêu được giao; chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, các phòng, ban chuyên môn hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các trường mầm non, tiểu học, THCS tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

- Bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo được phân cấp theo quy định. Huy động, vận động các nguồn lực (xã hội hóa) để tổ chức thực hiện đảm bảo theo đúng quy định của Nhà nước.

- Hằng năm tiến hành sơ kết, đánh giá việc xây dựng trường chuẩn quốc gia; báo cáo kết quả thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp).

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc vượt quá thẩm quyền, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp) để chỉ đạo, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh; (báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBNDTTQ và các TCCT;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thành ủy (p/h chỉ đạo);
- UBND huyện, thành phố;
- Các sở: GDĐT, Tài chính, KHĐT, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Y tế, Xây dựng Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh Nguyễn Thanh;
- Lưu: VT, KGVX (Bắc).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Việt Phương